TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHƯƠNG MỸ - TP HÀ NỘI** *** * * ***	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 188/2020/HNGĐ-ST.
Ngày 04/6/2020.
V/v: Tranh chấp HN&GĐ:

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Tưởng Ngọc Tuấn**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Ngọc Quý**
2. Bà **Nguyễn Thị Liên**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Tô Mạnh Hà**, thư ký TAND huyện Chương Mỹ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thu** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 04/6/2020 tại Trụ sở TAND huyện Chương Mỹ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 97/2019/TLST-HNGĐ ngày 11/3/2020 về Tranh chấp Hôn nhân gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2020/QĐXX-ST ngày 20 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1980**.** Có mặt

Đăng ký HKTT: Thôn Đoàn Kết, xã Trường Yên, huyện Chương Mỹ, TP Hà Nội. Chỗ ở: Thôn Giếng Êm, xã Nhuận Trạch, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Xuân T, sinh năm 1980.

ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn Đoàn Kết, xã Trường Yên, huyện Chương Mỹ, Hà Nội. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và bản tự khai chị Nguyễn Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị có đăng ký kết hôn với anh Nguyễn Xuân T, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Nhuận Trạch, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình ngày 16/02/2000. Sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân quan điểm sống, lối sống luôn bất đồng, anh T thường xuyên rượu chè, đánh vợ con, gia đình đã hòa giải nhiều lần

nhưng không có kết quả. Vợ chồng anh chị sống ly thân từ tháng 12/2019 đến nay. Nay chị đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 03 con chung là cháu Nguyễn Thị Phượng, sinh năm 2000; cháu Nguyễn Xuân Sơn, sinh ngày 24/4/2005 và cháu Nguyễn Xuân Giáp, sinh ngày 11/01/2011. Hiện nay cháu Phượng đã xây dựng gia đình. Còn cháu Sơn và cháu Giáp hiện nay đang ở với chị. Nếu ly hôn chị xin được nuôi cháu Sơn và cháu Giáp và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh T trình bày: Anh có đăng ký kết hôn với chị L, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Nhuận Trạch, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình ngày 16/02/2000. Sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân quan điểm sống, lối sống luôn bất đồng. Chị L xin ly hôn anh không nhất trí.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 03 con chung là cháu Nguyễn Thị Phượng, sinh năm 2000; cháu Nguyễn Xuân Sơn, sinh ngày 24/4/2005 và cháu Nguyễn Xuân Giáp, sinh ngày 11/01/2011. Hiện nay cháu Phượng đã xây dựng gia đình. Nếu ly hôn anh xin được nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên Tòa hôm nay chị L, anh T vẫn giữ nguyên quan điểm của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ có ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các quy định về tố tụng dân sự, tiến hành hòa giải theo đúng quy định. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Về hôn nhân xử chị L được ly hôn với anh T. Về con chung: Giao cháu Sơn, cháu Giáp cho chị L tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T đến khi có thay đổi khác. Chị L phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị L đã làm đơn khởi kiện theo mẫu và nộp tiền tạm ứng án phí đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung: Hôn nhân giữa chị L và anh T trên cơ sở có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên cuộc sống chung không hạnh phúc. Nguyên nhân do vợ chồng không bảo ban được nhau, vợ chồng có quá nhiều điểm bất đồng trong lối sống, quan điểm sống. Anh chị đã có thời gian sống ly thân không ai quan tâm hỏi han đến ai. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng do anh T không có phương pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều này chứng tỏ hôn nhân giữa chị L và anh T đã trầm T, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị L có đơn đề nghị ly hôn với anh T là hoàn toàn tự nguyện và có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về con chung: Vợ chồng anh chị có 03 con chung là cháu Nguyễn Thị Phượng, sinh năm 2000; cháu Nguyễn Xuân Sơn, sinh ngày 24/4/2005 và cháu Nguyễn Xuân Giáp, sinh ngày 11/01/2011. Hiện nay cháu Phượng đã trưởng thành và xây dựng gia đình. Khi ly hôn chị L, anh T đều xin được nuôi cháu Sơn và cháu Giáp. Xét yêu cầu của của các bên đều chính đáng, tuy nhiên cháu Sơn và cháu Giáp hiện nay đang ở cùng với chị L và các cháu cũng có nguyện vọng xin được ở với chị L, xét nguyện vọng của các cháu và của chị L thì thấy, để thuận tiện cho việc chăm sóc và tránh việc xáo trộn các cháu trong việc học tập, do vậy giao cần cháu Sơn và cháu Giáp cho chị L tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T đến khi có thay đổi khác. Anh T có quyền thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

[4.] Về tài sản chung: Chị L, anh T thừa nhận vợ chồng không có tài sản chung và không vay nợ ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 Chương III Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án xử thì chị L phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Chương III Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử: Chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Nguyễn Xuân T.

Về con chung: Xác nhận chị L, anh T có 03 con chung là cháu Nguyễn Thị Phượng, sinh năm 2000; cháu Nguyễn Xuân Sơn, sinh ngày 24/4/2005 và cháu

Nguyễn Xuân Giáp, sinh ngày 11/01/2011. Cháu Phượng đã trưởng thành và tự lập.

Giao cháu Sơn và cháu Giáp cho chị L tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành hoặc đến khi có thay đổi khác. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T đến khi có yêu cầu khác. Anh T có quyền đi lại thăm nom con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2015/0004620 ngày 11/3/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ.

Áp dụng Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự báo chị L, anh T biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
-TAND thành phố Hà Nội;
-VKSND huyện Chương Mỹ;
-Chi cục THA huyện Chương Mỹ;
- UBND xã Nhuận Trạch, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình (nơi đăng ký kết hôn);
- Các đương sự;
-Lưu HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Tưởng Ngọc Tuấn